

*xiêm.*

- GV đánh vần mẫu *xờ - iêm - xiêm - xiêm.*
- GV đưa tranh rút ra từ khóa *dừa xiêm* và viết bảng từ khóa *dừa xiêm.*
- Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: *dừa xiêm.*
- \* **Vần yêm:** Tiến hành tương tự như dạy vần iêm.
- GV cho HS so sánh vần iêm và vần yêm:

**c). Hướng dẫn viết vần iêm, yêm, dừa xiêm, cái yếm:**

- GV hướng dẫn HS viết *iêm, yêm, dừa xiêm, cái yếm* vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.

**3. Đọc từ ngữ ứng dụng:**

- GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *thanh kiếm, quý hiêm, âu yếm, yếm dãi.*
- GV gọi HS đọc trơn cá nhân.
- GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.
- GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

**TIẾT 2**

**4. Luyện tập:**

**a). Luyện đọc:**

- Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.
- GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?
- GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.

*Ban ngày, Sẻ mãi đi kiếm ăn cho cả nhà. Tối đến, Sẻ mới có thời gian âu yếm đàn con.*

- Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.

**b). Luyện viết:**

- HS luyện viết iêm, yêm, dừa xiêm, cái yếm vào tập viết 1.

**c). Luyện nói:**

- GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện *Điểm mười.*
- GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Muốn có điểm mười, em phải học như thế nào?...GV chú ý

- HS lắng nghe.
- HS quan sát.
- HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.
- HS so sánh:
  - + Giống: đều bắt đầu bằng nguyên âm đôi iê, yê và kết thúc bằng âm m.
  - + Khác: vần iêm bắt đầu bằng âm i ngắn, vần yêm bắt đầu bằng âm y dài.

- HS viết bảng con *iêm, yêm, dừa xiêm, cái yếm.*



- HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.
- HS lắng nghe.
- 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.

- HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.
- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh cả nhà chim Sẻ.
- HS lắng nghe.
- HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.

- HS luyện viết vào tập viết 1.
- HS quan sát, lắng nghe.
- HS trả lời câu hỏi thành câu.

chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh. <b>III. Củng cố - Dặn dò:</b> - Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp. - Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 66. - Nhận xét tiết học.	- HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp. - HS lắng nghe.
--	---

Thứ tư, ngày 03 tháng 12 năm 2014

**TOÁN**

**Bài: BẢNG CỘNG VÀ BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10.**

**I. MỤC TIÊU:**

- Thuộc bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10.
- Biết làm tính cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Làm quen với tóm tắt và viết được phép tính thích hợp với hình vẽ.
- Làm BT1, 3..

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bộ học toán.
- Bảng cộng và trừ trong phạm vi 10 như SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

GIÁO VIÊN	HỌC SINH																																	
<p><b>II. Giới thiệu bài mới:</b> GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.</p> <p><b>III Dạy bài mới;</b></p> <p><b>1. Ôn tập các bảng cộng và các bảng trừ đã học</b></p> <p>- Gọi HS đọc bảng cộng bảng trừ trong phạm vi 10 cá nhân, nhóm, cả lớp.</p> <p>- GV yêu cầu HS tính nhẩm một số phép tính: 4+5; 2+8; 10-1; 9-2; 7-3; 5+1; 8-6;...</p> <p><b>2. Thực hành:</b></p> <p><b>* Bài 1:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập cột lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu</p>	<p>- HS đọc bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10 cá nhân, nhóm, cả lớp.</p> <p><b>* Bảng cộng trong phạm vi 10:</b></p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="padding-right: 20px;">1+9=10</td> <td>6+4=10</td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">2+8=10</td> <td>7+3=10</td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">3+7=10</td> <td>8+2=10</td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">4+6=10</td> <td>9+1=10</td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">5+5=10</td> <td>10+0=10</td> </tr> </table> <p><b>* Bảng trừ trong phạm vi 10:</b></p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="padding-right: 20px;">10-1=9</td> <td style="padding-right: 20px;">10-6=4</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">10-2=8</td> <td style="padding-right: 20px;">10-7=3</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">10-3=7</td> <td style="padding-right: 20px;">10-8=2</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">10-4=6</td> <td style="padding-right: 20px;">10-9=1</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 20px;">10-5=5</td> <td style="padding-right: 20px;">10-10=0</td> <td style="padding-right: 20px;">10-0=10</td> </tr> </table> <p>- HS trả lời cá nhân</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="padding-right: 10px;">4+5=9</td> <td style="padding-right: 10px;">2+8=10</td> <td style="padding-right: 10px;">10-1=9</td> <td style="padding-right: 10px;">9-2=7</td> </tr> <tr> <td style="padding-right: 10px;">7-3=4</td> <td style="padding-right: 10px;">5+1=6</td> <td style="padding-right: 10px;">8-6=2</td> <td>.....</td> </tr> </table> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập là <b>Tính</b> và làm bài</p>	1+9=10	6+4=10	2+8=10	7+3=10	3+7=10	8+2=10	4+6=10	9+1=10	5+5=10	10+0=10	10-1=9	10-6=4		10-2=8	10-7=3		10-3=7	10-8=2		10-4=6	10-9=1		10-5=5	10-10=0	10-0=10	4+5=9	2+8=10	10-1=9	9-2=7	7-3=4	5+1=6	8-6=2	.....
1+9=10	6+4=10																																	
2+8=10	7+3=10																																	
3+7=10	8+2=10																																	
4+6=10	9+1=10																																	
5+5=10	10+0=10																																	
10-1=9	10-6=4																																	
10-2=8	10-7=3																																	
10-3=7	10-8=2																																	
10-4=6	10-9=1																																	
10-5=5	10-10=0	10-0=10																																
4+5=9	2+8=10	10-1=9	9-2=7																															
7-3=4	5+1=6	8-6=2	.....																															

bài tập và yêu cầu HS làm bài vào sgk.  
 - GV lưu ý HS bài tập 1 b tính theo cột dọc, nhắc nhở HS viết số phải thẳng hàng với nhau.

**\* Bài 3:**

- GV đính bảng phụ có đề bài tập 3a lên bảng và hướng dẫn HS đọc tóm tắt của bài toán: *Ở hàng trên có 4 chiếc thuyền màu xanh; ở hàng dưới có 3 chiếc thuyền màu trắng. Hỏi có tất cả bao nhiêu chiếc thuyền?*

- Gọi HS nhắc lại nội dung tóm tắt bài toán.

- Hỏi: *Ở bài toán này, để tìm số chiếc thuyền ta có thì phải làm phép tính gì?*

- GV nhận xét và ghi kết quả lên bảng:  $4 + 3 = 7$

- Gọi HS đọc nội dung tóm tắt bài toán 3b cá nhân.

- GV nhận xét và nhắc lại nội dung tóm tắt bài toán.

- Hỏi: *Ở bài toán này, để tìm số quả bóng còn lại sau khi cho ta làm phép tính gì?*

- GV nhận xét và gọi HS lên ghi kết quả bài 3b lên bảng. Cả lớp làm vào vở tập toán.

\* GV thu tập, chấm và chữa bài cho HS.

**III. Củng cố - Dặn dò:**

- Gọi HS đọc lại bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10 cá nhân, cả lớp

- Yêu cầu HS về nhà tiếp tục học thuộc bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 10 và làm vào Vở bài tập toán.

tập.

**Lời giải 1a:**

$3+7=10$     $4+5=9$     $7-2=5$     $8-1=7$

$6+3=9$     $10-5=5$     $6+4=10$     $9-4=5$

**Lời giải 1b:**

5                      8                      5                      10

+                      -                      +                      -

4                      1                      3                      9

**9**                      **7**                      **8**                      **1**

2                      5                      3                      7

+                      -                      +                      -

2                      4                      7                      5

**4**                      **1**                      **10**                      **2**

- HS quan sát và lắng nghe.

- HS nhắc lại nội dung tóm tắt bài toán cá nhân.

- HS trả lời: *Để tìm số chiếc thuyền ta có, ta làm phép tính cộng. Lấy  $4 + 3 = 7$  chiếc thuyền.*

- HS đọc: *Có 10 quả bóng, cho 3 quả bóng. Còn bao nhiêu quả bóng?*

- HS lắng nghe.

- HS trả lời: *Để tìm số quả bóng còn lại sau khi cho ta làm phép tính trừ. Lấy  $10 - 3 = 7$  quả bóng.*

- HS làm bài.

- HS đọc cá nhân, cả lớp.

- HS lắng nghe.

**Học vần**

**Bài 66: uôm- ươm**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc được *uôm, ươm, cánh bướm, đàn bướm*; từ và câu ứng dụng.

- Viết được *uôm, ươm, cánh bướm, đàn bướm*.

- Luyện nói từ 2-3 câu theo chủ đề: *Ong, bướm, chim, cá cảnh*.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bộ ghép chữ Học vần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

GIÁO VIÊN	HỌC SINH																																																																
<p style="text-align: center;"><b>TIẾT 1</b></p> <p><b>I. Kiểm tra bài cũ:</b>                      - GV gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm cho HS.                      - Cho HS viết bảng con iêm, yêm, dờ xiêm, cái yếm</p> <p><b>II. Dạy bài mới:</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài:</b></p> <p><b>2. Dạy vần:</b></p> <p>* <b>Vần uôm:</b></p> <p>a). <b>Nhận diện vần:</b>                      - GV viết bảng vần <i>uôm</i> và nói: Đây là vần <i>uôm</i>.</p> <p>b). <b>Phát âm và đánh vần tiếng:</b>                      - GV yêu cầu HS phân tích vần <i>uôm</i>.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghép vần <i>uôm</i> trong bộ học vần.                      - GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm vần <i>u – ô – mờ – uôm – uôm</i>. GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.                      - GV yêu cầu HS ghép tiếng <i>buồm</i>.                      - GV nhận xét bài ghép của HS và viết bảng tiếng <i>buồm</i>.                      - GV cho HS phân tích tiếng <i>buồm</i> và đánh vần tiếng <i>buồm</i>.                      - GV đánh vần mẫu <i>bờ - uôm – buôm – huyền – buồm – buồm</i>.                      - GV đưa tranh rút ra từ khóa <i>cánh buồm</i> và viết bảng từ khóa <i>cánh buồm</i>.                      - Gọi HS phân tích và đọc từ khóa: <i>cánh buồm</i>.                      * <b>Vần ươm:</b> Tiến hành tương tự như dạy vần uôm.                      - GV cho HS so sánh vần uôm và vần ươm:</p> <p>c). <b>Hướng dẫn viết vần uôm, ươm, cánh buồm, đàn bướm:</b>                      - GV hướng dẫn HS viết <i>uôm, ươm, cánh buồm, đàn bướm</i> vào bảng con. GV chú ý HS điểm đặt bút, điểm dừng bút, khoảng cách giữa các âm.</p>	<p>- 3 HS đọc lại bài cũ.</p> <p>- HS viết bảng con iêm, yêm, dờ xiêm, cái yếm.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS phân tích vần <i>uôm</i> gồm 2 âm ghép lại với nhau, nguyên âm đôi uô đứng trước, âm m đứng sau.                      - HS ghép vần <i>uôm</i> trong bộ chữ học vần.                      - HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân.                      - HS ghép tiếng <i>buồm</i> bằng bộ học vần.                      - HS quan sát.</p> <p>- HS phân tích, đánh vần cá nhân.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS phân tích, đọc từ khóa cá nhân.</p> <p>- HS so sánh:                      + Giống: đều kết thúc bằng âm m.                      + Khác: vần uôm bắt đầu bằng nguyên âm đôi uô, vần ươm bắt đầu bằng nguyên âm đôi ươ.</p> <p>- HS viết bảng con <i>uôm, ươm, cánh buồm, đàn bướm</i>.</p> <table border="1" data-bbox="922 1753 1448 1843"> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table> <table border="1" data-bbox="922 1879 1448 1934"> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr> </table>																																																																

<p><b>3. Đọc từ ngữ ứng dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: <i>ao chuôm, nhuộm vải, vườn uôm, cháy đượm.</i></li> <li>- GV gọi HS đọc trơn cá nhân.</li> <li>- GV đọc mẫu, giải thích nghĩa các từ ứng dụng.</li> <li>- GV gọi 1 HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đồng thanh.</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>TIẾT 2</b></p> <p><b>4. Luyện tập:</b></p> <p><b>a). Luyện đọc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện đọc lại các vần, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.</li> <li>- GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?</li> </ul> <p style="margin-left: 20px;">- GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.</p> <p style="margin-left: 20px;"><i>Những bông cải nở rộ nhuộm vàng cả cánh đồng. Trên trời, bướm bay lượn từng đàn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.</li> </ul> <p><b>b). Luyện viết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS luyện viết uôm, uôm, cánh buồm, đàn bướm vào tập viết 1.</li> </ul> <p><b>c). Luyện nói:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện <i>Ong, bướm, chim, cá cảnh.</i></li> <li>- GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ gì? Ong, bướm, chim sống ở đâu? Cá cảnh sống ở đâu?....GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.</li> </ul> <p><b>III. Củng cố - Dặn dò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.</li> <li>- Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 66.</li> <li>- Nhận xét tiết học.</li> </ul>	<table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> <td style="width: 12.5%;"></td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- 1 HS đọc toàn bài. Cả lớp đồng thanh.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.</li> <li>- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh bông cải nở vàng, trên trời bướm bay lượn từng đàn.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS luyện viết vào tập viết 1.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát, lắng nghe.</li> <li>- HS trả lời câu hỏi thành câu.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>								

**Tự nhiên và xã hội**  
**Bài 16: HOẠT ĐỘNG Ở LỚP**

**I. MỤC TIÊU:**

- Kể được một số hoạt động học tập ở lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh ảnh về các hoạt động ở lớp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

GIÁO VIÊN	HỌC SINH
<p><b>I. Giới thiệu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hỏi: <i>Hôm trước chúng ta học bài nào?</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời <i>Hôm trước chúng ta học bài Lớp</i></li> </ul>

- GV giới thiệu: *Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem có các hoạt động nào ở lớp. Bài học của chúng ta là **Hoạt động ở lớp.***

- GV ghi tựa bài lên bảng và gọi HS nhắc lại tựa bài.

## II. Dạy bài mới:

### 1. Hoạt động 1: Quan sát tranh SGK và thảo luận nhóm đôi.

\* *Mục tiêu: giúp HS biết được các hoạt động học tập ở lớp và mối quan hệ giữa GV và HS, HS và HS trong từng hoạt động học tập.*

- GV yêu cầu HS quan sát tranh thảo luận nhóm đôi và nói cho nhau nghe về các hoạt động được thể hiện ở từng hình trong SGK trang 34, 35.

- Gọi vài nhóm HS trả lời trước lớp.

- GV nhận xét và hỏi thêm:

+ *Trong các hoạt động trên, hoạt động nào được tổ chức ở trong lớp học? Hoạt động nào được tổ chức ở ngoài sân trường?*

+ *Trong từng hoạt động trên, GV làm gì? HS làm gì?*

- GV nhận xét và kết luận: **Ở lớp học có rất nhiều hoạt động học tập khác nhau. Trong đó có những hoạt động được tổ chức ở trong lớp học và có những hoạt động được tổ chức ở sân trường.**

### 2. Hoạt động 2: Giới thiệu các hoạt động ở lớp học của mình.

\* *Mục tiêu: giúp HS thực hành kể lại các hoạt động ở lớp của mình cho các bạn khác nghe.*

- GV yêu cầu HS kể cá nhân trước lớp về những hoạt động ở lớp của mình.

- GV hỏi: *Các em cần làm gì để giúp đỡ các bạn trong lớp học tập tốt hơn?*

- GV kết luận: **Các em phải biết hợp tác, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập và vui chơi ở**

học.

- HS lắng nghe.

- HS nhắc lại tựa bài: **Hoạt động ở lớp.**

- HS quan sát, thảo luận nhóm đôi theo yêu cầu của GV.

- Đại diện vài nhóm trình bày trước lớp.

*Trong các hình có các hoạt động như: quan sát tìm hiểu thiên nhiên, học viết chữ, học vẽ, học hát, học thể dục, hoạt động vui chơi.*

- HS trả lời cá nhân:

+ *Hoạt động học vẽ, học viết chữ, học hát là được tổ chức ở trong lớp học. Hoạt động quan sát tìm hiểu thiên nhiên, học thể dục và hoạt động vui chơi được tổ chức ở ngoài sân trường.*

+ *Trong các hoạt động học, GV là người hướng dẫn, giúp đỡ HS học tập, HS là những người trực tiếp học những kiến thức mới do GV dạy. Trong hoạt động học tập và vui chơi, HS là những người bạn cùng học và cùng chơi với nhau.*

- HS lắng nghe.

- HS kể cá nhân trước lớp.

- HS trả lời: *Cần phải giúp đỡ lẫn nhau trong học tập.*

- HS lắng nghe.



<p><i>lớp.</i></p> <p><b>3. Hoạt động 3: Trò chơi “Ai nhanh ai đúng”</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b> giúp HS củng cố lại kiến thức đã học về các hoạt động ở lớp.</p> <p>- GV chia lớp thành 2 đội, phát cho mỗi đội những tấm bìa vẽ hình những hoạt động, yêu cầu HS phân loại những hoạt động nào có trong lớp học? Những hoạt động không có trong lớp học?</p> <p>- 2 đội thi đua phân loại hoạt động. Đội xong trước và đúng là đội thắng cuộc được thưởng 1 điểm A<sup>+</sup>, đội thứ hai được điểm A.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương đội thắng cuộc.</p> <p><b>III. Củng cố - Dặn dò:</b></p> <p>- Hỏi: trong lớp học có những hoạt động nào?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi.</p> <p>- 2 đội thi đua với nhau.</p> <p>- HS trả lời cá nhân.</p>
---	--

Thứ năm, ngày 04 tháng 12 năm 2014

**TOÁN**

Bài: **LUYỆN TẬP** (tr. 88)

**I. MỤC TIÊU:**

- Thực hiện được phép cộng và phép trừ trong phạm vi 10.
- Viết được phép tính thích hợp với tóm tắt bài toán.
- Làm BT1(cột 1,2,3), BT2 (phần 1), BT3 (dòng 1), BT4

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ ghi đề bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

GIÁO VIÊN	HỌC SINH												
<p><b>I. Kiểm tra bài cũ:</b></p> <p>- Gọi 2 HS đọc bảng cộng và 2 HS đọc bảng trừ trong phạm vi 10.</p> <p>- GV nhận xét, ghi điểm.</p> <p><b>II. Giới thiệu bài mới:</b> GV giới thiệu và ghi tựa bài lên bảng.</p> <p><b>III Luyện tập:</b></p> <p>* <b>Bài 1:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập cột 1, 2, 3 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào SGK</p> <p>* <b>Bài 2:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập phần 1 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào SGK. 1 HS làm bảng</p>	<p>- 2 HS đọc bảng cộng và 2 HS đọc bảng trừ trong phạm vi 10.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập là <b>Tính</b> và làm bài tập.</p> <p><b>Lời giải:</b></p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="padding: 2px;"><math>1+9=10</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>2+8=10</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>3+7=10</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><math>10-1=9</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>10-2=8</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>10-3=7</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><math>6+4=10</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>7+3=10</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>8+2=10</math></td> </tr> <tr> <td style="padding: 2px;"><math>10-6=4</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>10-7=3</math></td> <td style="padding: 2px;"><math>10-8=2</math></td> </tr> </table> <p>- HS trả lời: Thực hiện phép tính và điền kết quả vào hình tròn, hình ngôi sao.</p>	$1+9=10$	$2+8=10$	$3+7=10$	$10-1=9$	$10-2=8$	$10-3=7$	$6+4=10$	$7+3=10$	$8+2=10$	$10-6=4$	$10-7=3$	$10-8=2$
$1+9=10$	$2+8=10$	$3+7=10$											
$10-1=9$	$10-2=8$	$10-3=7$											
$6+4=10$	$7+3=10$	$8+2=10$											
$10-6=4$	$10-7=3$	$10-8=2$											

<p>lớp.</p> <p><b>* Bài 3:</b></p> <p>- GV ghi đề bài tập dòng 1 lên bảng, gọi HS nêu yêu cầu bài tập và yêu cầu HS làm bài vào tập toán.</p> <p><b>* Bài 4:</b></p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu nội dung tóm tắt của bài toán.</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời của HS và yêu cầu HS làm bài vào tập toán, sau đó đọc kết quả. GV nhận xét kết quả</p> <p>* GV thu tập, chấm và chữa bài cho HS.</p> <p><b>IV. Dặn dò:</b></p> <p>- Yêu cầu HS về nhà làm vào vở bài tập toán.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập: tính nhẩm các phép tính rồi so sánh các số và điền dấu thích hợp vào ô trống.</p> <p><b>Lời giải:</b></p> <p><math>10 &gt; 3+4</math>    <math>8 &lt; 2+7</math>    <math>7 &gt; 7-1</math></p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập: Viết phép tính thích hợp.</p> <p>- HS nêu nội dung tóm tắt bài toán: <i>Tổ 1 có 6 bạn, tổ 2 có 4 bạn. Hỏi cả 2 tổ có bao nhiêu bạn?</i></p> <p>- HS làm bài và nêu kết quả</p> <p style="text-align: center;"><math>6 + 4 = 10</math></p>
--	---

**Học vần**  
**Bài 67: ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc được các vần có kết thúc bằng m, các từ ngữ, câu ứng dụng từ bài 60 đến bài 67.
- Viết được các vần, các từ ngữ ứng dụng từ bài 60 đến bài 67.
- Nghe hiểu và kể được một đoạn truyện theo tranh truyện kể: *Đi tìm bạn.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng ôn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

<b>GIÁO VIÊN</b>	<b>HỌC SINH</b>
<p><b>I. KIỂM TRA BÀI CŨ:</b></p> <p>- Gọi 3 HS đọc lại bài cũ. GV nhận xét, ghi điểm.</p> <p>- HS viết bảng con: <i>uôm, wôm, ao chuôm, vườn wôm.</i></p> <p><b>II. DẠY BÀI MỚI:</b></p> <p style="text-align: center;"><b>TIẾT 1</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS nêu các vần mới đã được học. GV ghi bên cạnh góc bảng.</p> <p>- GV treo bảng ôn giới thiệu vào bài và ghi tựa bài lên bảng.</p> <p><b>2. Ôn tập:</b></p> <p><b>a). Các vần mới:</b></p> <p>- Gọi HS ghép các âm để tạo thành các vần đã được học.</p> <p>- GV chỉ vần và gọi HS đọc.</p> <p>- Gọi HS lên bảng chỉ và đọc vần.</p> <p>- GV chỉ cho cả lớp đọc.</p>	<p>- 3 HS đọc bài.</p> <p>- HS viết bảng con: <i>uôm, wôm, ao chuôm, vườn wôm.</i></p> <p>.</p> <p>- 2-3 HS phát biểu.</p> <p>- HS ghép vần.</p> <p>- HS đọc vần theo tay GV chỉ.</p> <p>- HS tự chỉ và đọc vần.</p> <p>- Cả lớp.</p>